

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2018

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sơn**;

2. Ông **Nguyễn Hồng Quân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liên Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Màu**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19-12-2017, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 05-3-2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ánh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh –Phòng giao dịch huyện T (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2017 và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ánh T trình bày:

Vào ngày 14/6/1996, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Văn T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, trong quá trình sống chung anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 13/9/1996 đã trưởng thành và

Nguyễn An K, sinh ngày 13/9/2002 hiện đang sống chung với anh T.

Về tài sản chung: Có nhưng chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh phòng giao dịch huyện T bằng 32.900.000 đồng mục đích vay vốn chi phí học tập cho học sinh sinh viên và xây dựng nhà vệ sinh nợ, nợ chưa đến hạn.

Nguyên nhân xin ly hôn: Vợ chồng sống chung anh T đi nhậu về kiếm chuyện đánh đập chị nhiều lần (từ ngày cưới đến nay đánh chị 03 lần), lần sau này là ngày 03/10/2017 ÂL anh T đi nhậu về đánh chị nên chị bỏ nhà đi cho đến nay. Tết Nguyên đán anh T có qua nhà chị và có kêu chị về nhưng chị không về rồi từ đó đến nay chị và anh T không có gặp nhau để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, chị quyết định ly hôn với anh T.

Chị Huỳnh Thị Ánh T yêu cầu giải quyết:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 13/9/1996 đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết. Còn con chung tên Nguyễn An K, sinh ngày 13/9/2002 chị đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có nhưng chị không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện T nợ chưa đến hạn do ngân hàng không yêu cầu, nếu sau này ngân hàng có yêu cầu thì chị và anh T cùng trả sau.

Chị T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án của bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị T kết hôn tháng 6 năm 1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, trong quá trình sống chung anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 13/9/1996 đã trưởng thành và Nguyễn An K, sinh ngày 13/9/2002 hiện đang sống chung với anh.

Về tài sản chung: Có nhưng anh không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện T bằng 27.500.000 đồng mục đích vay vốn chi phí học tập cho học sinh sinh viên, nợ này chưa đến hạn, do ngân hàng không yêu cầu, nếu sau này ngân hàng có yêu cầu thì giải quyết sau.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn, nhà có bà chị vợ ở gần mỗi tối thường qua nhà xem tivi nửa đêm mới về, lâu ngày nên anh bức bối có đuổi về rồi vợ chồng cự cãi qua lại anh có đánh chị T rồi chị T bỏ nhà đi từ ngày 03/10/2017 ÂL cho đến nay, từ ngày chị T đi anh không liên lạc được và vợ chồng cũng không có gặp mặt. Nay anh không

đồng ý ly hôn mà xin hàn gắn đoàn tụ về nuôi con.

Về con chung: Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 13/9/1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, còn Nguyễn An K, sinh ngày 13/9/2002 hiện đang sống chung với anh, anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Có nhưng anh không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện T nợ chưa đến hạn, do ngân hàng không yêu cầu, nếu sau này ngân hàng có yêu cầu thì anh chị cùng trả.

Anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh- Phòng giao dịch huyện T có Công văn số 131/CV.NHCS.TC ngày 20/12/2017.

Vào ngày 30/3/2016 anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị Ánh T có vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh- Phòng giao dịch huyện T bằng 5.400.000 đồng, mục đích xây dựng nhà vệ sinh, hạn trả ngày 17/3/2021, lãi suất 0,75%/tháng.

Vào ngày 28/10/2016 anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị Ánh T có vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh- Phòng giao dịch huyện T bằng 27.500.000 đồng, mục đích vay vốn là chi phí học tập cho học sinh sinh viên, hạn trả 17/3/2022, lãi suất 0,25%/tháng.

Hiện nay nợ vay còn trong hạn và anh Nguyễn Văn T đã cam kết trả nợ khi đến hạn. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh- Phòng giao dịch huyện T không khởi kiện và xin vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ánh T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 02 giấy khai sinh con; 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); 01 chứng minh nhân dân tên Huỳnh Thị Ánh T (photo); Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

- *Về tài sản chung:* Chị Huỳnh Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn T thống nhất khai có nhưng không tranh chấp.

- *Về con chung:* Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 13/9/1996 đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Do Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh -phòng giao dịch huyện T không có yêu cầu.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ánh T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn xin được đoàn tụ.

Về con chung: Nguyễn An K, sinh ngày 13/9/2002 chị T đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung; Anh T không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu giải quyết về con chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh T.

Về con chung: Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 13/9/1996 đã trưởng thành nên không xem xét, giao con chung tên Nguyễn An K, sinh ngày 13/9/2002 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chung, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh T được quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung: Chị T và anh T thống nhất không tranh chấp nên không xem xét;

Về nợ chung: Do Ngân hàng không khởi kiện nên không xem xét.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú ở ấp E, xã F, huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Huỳnh Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian sống chung anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên anh T đã đánh chị T dẫn đến chị T bỏ nhà ra sống riêng từ ngày 03/10/2017 ÂL cho đến nay. Anh T thừa nhận vợ chồng sống chung anh cũng có đánh chị T nhưng anh không đồng ý ly hôn mà xin hàn gắn đoàn tụ. Mặc dù anh chị đã được Tòa án hòa giải, nhưng chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị T được ly hôn với anh T.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 13/9/1996 đã thành niên nên anh chị không yêu cầu giải quyết, còn con chung tên Nguyễn An K, sinh ngày 13/9/2002 chị T đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, sau khi ly hôn anh T có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung thì anh T có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp cấp dưỡng nuôi con với chị T.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Huỳnh Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn T thống nhất có nhưng không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh- Phòng giao dịch huyện T không có yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ánh T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Ánh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 13/9/1996 đã thành niên không thuộc trường hợp bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự hay không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung tên Nguyễn An K, sinh ngày 13/9/2002 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung; Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh T có yêu cầu chị T cấp dưỡng

nuôi con chung thì anh T có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp cấp dưỡng nuôi con với chị T.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn T thống nhất khai có nhưng không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Do Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh- Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần không có yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015208, ngày 19-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị T đã nộp đủ án phí.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã F;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm

